

Biểu số:

09.N.QLĐKKD

Ban hành theo Thông tư
số.....

của Bộ trưởng Bộ Kế
hoạch và Đầu tư

Ngày nhận báo cáo:

Sơ bộ ngày 20/12 năm
báo cáo (N)

Chính thức ngày 31/3
năm sau năm báo cáo
(N+1)

**SỐ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP
HỢP TÁC XÃ GIẢI THỂ**

Năm.....(N)

- Đơn vị báo cáo:

Cục QLĐKKD

- Đơn vị nhận báo
cáo: Trung tâm

Công nghệ thông
tin và chuyển đổi số

Chỉ tiêu	Mã số	Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể Năm trước năm báo cáo (N-1)	Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể Năm báo cáo (N)	So sánh N/(N-1) (%)
A	B	1	2	3
TỔNG SỐ				
I. Chia theo ngành kinh tế				
(Ghi theo danh mục hệ thống ngành kinh tế Việt Nam cấp 1)				
...				
II. Chia theo tỉnh/thành phố				
(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)				
....				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng.....
năm.....

Thủ trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO

Biểu số 09.N.QLĐKKD: Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể là tổng số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể trong kỳ theo quy định của pháp luật.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể năm trước năm báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể năm báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi so sánh giữa số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể năm báo cáo với số hợp tác xã giải thể năm trước năm báo cáo tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu

Thông tin, dữ liệu do Cục Quản lý đăng ký kinh doanh tổng hợp từ Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, báo cáo hàng năm của các tỉnh, thành phố.